

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-PT

Ngày 02 -12-2020

V/v tranh chấp phurong, họ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLPT-DS ngày 15-10-2020 về tranh chấp phurong, họ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

2. Anh Lê Đức H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Ông Lê Huy S1, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Huy S1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 27-10-2020).

Tại phiên toà phúc thẩm: Có mặt bà S, chị L, anh H. Vắng mặt bà T, ông S1 có lý do.

NỘI DUNG VỤÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày ngày 12 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Huy S1 trình bày:

Vợ chồng bà với chị Vũ Thị L và bà Hoàng Thị T là người cùng xóm, biết việc chị L và bà T dựng phường tiền bắt đầu từ ngày 28-8-2017 (âm lịch) tức 17-10-2017 (dương lịch). Phường có 31 suất chơi, mỗi suất đóng 03 triệu đồng/tháng. Quy ước đóng tiền và rút tiền đều vào ngày 28 âm lịch hàng tháng, ai rút phường trước thì những tháng tiếp theo phải đóng là 3.600.000 đồng, trong đó 600.000 đồng là tiền lãi. Phường do chị Vũ Thị L làm chủ và là người quản lý danh sách những người tham gia chơi đóng tiền và rút phường. Vợ chồng bà tham gia 02 suất, đã đóng được 20 kỳ (tháng) x 3.000.000 đ/suất với tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

Số tiền đóng phường cho chị L bà đều nhờ bà Hoàng Thị T (Tám Trang) đóng hộ, bà không biết việc bà T mới đóng cho chị L 19 tháng/suất. Đến cuối tháng 3 năm 2019 khi biết bà T và chị L có mâu thuẫn về phường hội, bà có hỏi chị L bà tham gia ở đây phường nào, chị L nói "Em có 04 phường 03 triệu/tháng, 02 phường 05 triệu đồng/tháng nên không biết chị ở phường nào". Sau đó bà đến nhà bà T hỏi thì bà T đưa cho bà danh sách những người tham gia phường do chị L làm chủ ký có tên Sen Sang 02 suất. Khi bà đến nhà bà T, chị L cũng ở đó nên bà đề xuất được đóng phường trực tiếp cho chị L không thông qua bà T nữa, chị L đồng ý để bà đóng tiếp và hứa đến tháng 9 năm 2019 âm lịch thì bà được rút phường. Nhưng đến cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2019 chị L tuyên bố cho bà dừng phường, khi bà đưa danh sách phường cho chị L thì chị L đã dặt và xé nên bà đã nhất chấp lại để nộp cho Tòa án, bà hỏi tại sao lại xé, chị L trả lời "Tên chị là tên ảo". Nay phường đã kết thúc bà yêu cầu chị L và anh H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng bà số tiền phường đã nhờ bà T đóng hộ là 136.800.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 19 tháng x 02 suất x 03 triệu đồng = 114.000.000 đồng và tiền lãi là 600.000 đồng x 19 tháng x 02 suất = 22.800.000 đồng).

Đối với số tiền 06 triệu đồng của 02 suất phường đóng cho bà T kỳ thứ 20 vào tháng 03 năm 2019, bà T chưa đóng cho chị L, số tiền này bà sẽ yêu cầu bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà sau.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Vũ Thị L đồng thời là

người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Đức H trình bày:

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 (âm lịch) chị có đứng lên lập một phường tiền gồm 31 suất chơi. Quy tắc chơi mỗi suất đóng 03 triệu/tháng; suất nào rút rồi thì mỗi tháng nộp 3.600.000 đồng, trong đó 600.000 đồng tiền lãi để trả cho những người chưa rút. Bà Hoàng Thị T tham gia chơi 06 suất, mỗi suất đã nộp 19 kỳ (tháng), bà T đã rút 02 suất, còn 4 suất chưa rút với tổng số tiền đã nộp là 19 tháng x 04 suất x 3.000.000đ = 228.000.000 đồng. Số tiền này bà T đã ủy quyền cho chị xử lý sang phường tiền và vàng khác, tài liệu chị đã phô tô cung cấp cho Tòa án. Từ khi bắt đầu dựng phường, bà T và bà S đều không nói gì với chị về việc bà T đứng lên nộp hộ tiền phường cho bà S 02 suất, đến cuối tháng 3 năm 2019 bà S mới tìm gặp chị nói là bà T đã đóng phường thay và xin đóng tiếp nhưng chị không đồng ý.

Bản phô tô sách phường bà S cung cấp cho Tòa án đúng là do chị lập và ký đưa cho bà T là để hợp thức hóa tên người chơi, danh sách này chị lập trước khi phường bắt đầu, lúc chị đi phô tô để phát hành chị có gọi điện cho bà T và bà T nói với chị ghi Sen Sang 02 suất, bản gốc danh sách phường này do chị giữ, nhưng danh sách này chưa chính thức nên chị đã hủy, do đó không còn tài liệu để cung cấp cho Tòa án, khi bà S đưa cho chị danh sách phường, bà S có lời lẽ xúc phạm, trong lúc tức giận chị đã dứt và xé. Thực tế trong sổ theo dõi gốc danh sách phường tiền ngày 28-8-2017 chị đã phô tô cung cấp cho Tòa án chỉ có tên Tám Trang 06 suất, không có tên Sen Sang 02 suất và chưa lần nào chị nhận tiền đóng phường từ bà S. Do vậy, chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà S, mà chị chỉ có trách nhiệm thanh toán tiền đã đóng phường gốc và tiền lãi cho bà Hoàng Thị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 30-5-2020 xác nhận. Ngày 28 tháng 8 năm 2017 (âm lịch) bà đăng ký tham gia 06 suất phường tiền do chị Vũ Thị L làm chủ, phường có 31 suất, mỗi suất đóng 03 triệu đồng/tháng. Từ khi tham gia hàng tháng bà đã đóng cho chị L 06 suất trong đó bà nhận tiền và đóng hộ cho vợ chồng Sen Sang 02 suất. Phường tiền này bà đã rút 02 suất, còn lại 04 suất chưa rút. Bà Hoàng Thị T đồng ý cho vợ chồng bà S Sang lấy tiền phường cả gốc và lãi bà đã đóng cho chị Vũ Thị L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh H nhất trí với lời trình bày của chị L, vì bà Nguyễn Thị S không xuất trình được giấy ủy quyền chơi hộ phường có chữ ký của bà S, chị L và bà T, nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, mà chỉ có trách nhiệm thanh toán với bà T về phường tiền bà T đã đóng trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 92, 147; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 365 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính

phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Vũ Thị L và anh Lê Đức H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S và ông Lê Huy S1 số tiền gốc đã đóng phường là 114.000.000đ và tiền lãi phường là 22.800.000đ. Tổng số tiền phải trả là 136.800.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

Ngày 23-8-2020 chị Vũ Thị L là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án: Không chấp nhận nội dung của bản án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa lại toàn bộ nội dung bản án theo hướng bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, yêu cầu triệu tập người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của chị Vũ Thị L về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa lại toàn bộ nội dung bản án theo hướng bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, yêu cầu triệu tập người làm chứng:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T, ông Lê Huy S1 vắng mặt tại phiên tòa, bà T đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh đã có đơn xin vắng mặt, ông S1 đã ủy quyền cho bà S, xét thấy sự vắng mặt của họ là có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông S1.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai của chị Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị S và bà Hoàng Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, tại cơ quan Công an huyện Nam Trực đều trình bày: Ngày 28-8-2017 (âm lịch) tức 17-10-2017 (dương lịch), chị Vũ Thị L có tổ chức thành lập một phường tiền do chị L làm chủ. Phường có tổng số là 31 suất, mỗi suất mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng. Phường đóng tiền và rút tiền đều vào ngày 28 âm lịch hàng tháng, ai rút phường trước thì sau đó những tháng tiếp theo phải đóng là 3.600.000đ, trong đó có 600.000đ là tiền lãi nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Hoàng Thị T tham gia chơi phường do chị Vũ Thị L làm chủ hội tổng số 6 suất, đóng được 19 kỳ (tháng), đã lĩnh hội hai suất, còn 4 suất chưa lấy, trong đó có hai suất mà vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Lê Huy S1 cho rằng bà Hoàng Thị T nộp hộ. Căn cứ vào các tài liệu do bà S cung cấp, nội dung giấy xác nhận về việc bà T kết hợp với chị L dựng phường tiền bắt đầu từ ngày 25-8-2017 gồm 31 suất..., khi chính thức làm biên bản phường thì bà T báo với chị L là Tám 01 suất; Tám 03 suất và Sen Sang 02 suất (có xác nhận của bà Hoàng Thị T) phù hợp danh sách những người tham gia phường bắt đầu từ ngày 28-8-2017 do chị L lập có tên Sen Sang 02 suất và Tám Trang 4 suất, điều đó thể hiện chị L và anh H biết việc bà S Sang có tham gia chơi phường do chị L làm chủ. Đối với tài liệu chị L và anh H cung cấp ngày 19-6-2020 thể hiện: Danh sách phường tiền tổng số 31 suất, ngày 28-8-2017 có tên Tám Trang 06 suất không có chữ ký của những người tham gia chơi và rút phường và 01 tài liệu có nội dung "Tất cả các phường tiền và vàng nhà Loan Hùng dừng từ tháng 3 năm 2019 giao cho Loan Hùng xử lý mỗi tháng 65.600" có chữ ký của bà Hoàng Thị T, nhưng không có nội dung nào thể hiện, liên quan đến việc xử lý 04 suất tiền phường mà bà T đã đóng cho chị L chưa rút. Trong khi đó bà Hoàng Thị T lại thừa nhận đã đóng hộ tiền phường cho vợ chồng bà S, ông S1 và bà đồng ý cho vợ chồng bà S được lấy 02 suất tiền phường bà đã đóng cho chị Vũ Thị L. Việc anh H cho rằng bà S không có văn bản ủy quyền cho bà T đóng hộ phường có chữ ký của bà S, bà T và chị L, vấn đề này bà T đã thừa nhận bà S có nhờ đóng hộ phường và bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng phường cho chị L đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L cũng thừa nhận nghề nghiệp chính của bà T làm ruộng, có mức thu nhập thấp, tại bản tường trình và lý do kháng cáo của chị L trình bày bản thân bà T có tham gia 4 phường tiền do chị L làm chủ hội mỗi tháng phải đóng tiền phường là 65.600.000đ và tham gia một phường vàng 1,5 suất, mỗi lần đóng là 3 chỉ, một năm đóng ba lần. Vì vậy, có cơ sở để khẳng định bà T không thể có đủ kinh tế để cùng một lúc tham gia chơi nhiều phường tiền, vàng như vậy được mà trong số những xuất phường này bà T đứng tên nhưng thực chất là đóng phường hộ cho một số người khác trong đó có đóng hộ hai suất phường tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S và

6

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị L và anh Lê Đức H phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.840.000 đồng (sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001124 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị L phải nộp là 300.000đ, nhưng được đối trừ với số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0000235 ngày 24-8-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng